

Số: 25/BC-THCS

Trung Sơn, ngày 20 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Năm học 2025- 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Kế hoạch của trường Trung học cơ sở Đông Sơn về việc triển khai nhiệm vụ năm học 2025- 2026;

Trường Trung học cơ sở (THCS) Đông Sơn thực hiện công khai năm học 2025- 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về nhà trường

1.1. Tên trường: Trường THCS Đông Sơn

Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của nhà trường.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 4B, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Website: <https://ninhbinh.edu.vn/thcsdongson>

Loại hình của cơ sở giáo dục

Loại hình: Công lập

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 05 phẩm chất và 10 năng lực trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

05 phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm.

10 năng lực cốt lõi của học sinh, gồm 02 nhóm đó là năng lực chính là năng lực chung và năng lực chuyên môn: Năng lực chung (Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để). Năng lực chuyên môn (Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội).

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện. Đào tạo thế hệ học sinh (HS) có truyền thống tự hào là HS Trường THCS Đông Sơn, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu của nhà trường:

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp tất cả các khối lớp.

Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục: Chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, chất lượng các kì thi, cuộc thi, các sân chơi trí tuệ và nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT.

Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho HS; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau trung học cơ sở.

Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, trách nhiệm, gương mẫu và hiệu quả trong công việc.

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS; duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng trường học xanh sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc; thực hiện tốt quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả trong nhà trường;

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Đông Sơn được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Đông Sơn vào năm 1992. Trải qua hơn 34 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành nhà trường ngày càng lớn mạnh, luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Năm 2009, trường đạt chuẩn Quốc gia theo quyết định số 1501/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình ngày 21/12/2009. Chất lượng giáo dục đứng ở nhóm đầu các trường ngoại thị, nhiều năm qua đứng trong nhóm 20 của tỉnh về chất lượng thi tuyển sinh vào THPT. Năm học 2014-2015, nhà trường được tái công nhận chuẩn Quốc gia theo quyết định số 1004/QQĐ - UBND tỉnh Ninh Bình ngày 15/11/2015. Tháng 7/2020, UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Họ và tên: Đinh Thị Liên, Hiệu trưởng Số Điện thoại: 0357984007

Email: dingphuonglien1980g@gmail.com

2. Tổ chức bộ máy

2.1. Quyết định thành lập trường: Được tách ra từ tháng 9 năm 1992 (Hiện không còn Quyết định thành lập trường).

Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

Quyết định số 946/QĐ-CT ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Đông Sơn nhiệm kì 2021- 2026. Hiện tại, theo Nghị quyết 71 Hội đồng trường không còn ở các trường THCS.

2.2. Điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng: Bà Đinh Thị Liên sinh năm 1980, vào ngành năm 2005, trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Lịch sử, có chứng chỉ quản lý giáo dục; trình độ chính trị:

Trung cấp; được bổ nhiệm phó hiệu trưởng năm 2015 và bổ nhiệm hiệu trưởng vào năm 2022.

Phó hiệu trưởng: Ông Lê Anh Tường sinh năm 1978, vào ngành năm 2001, trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Toán; trình độ chính trị: Trung cấp, được bổ nhiệm phó hiệu trưởng năm 2026.

Phó hiệu trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Thịnh sinh năm 1981, vào ngành năm 2002, trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Vật lý; trình độ chính trị: Trung cấp, được bổ nhiệm phó hiệu trưởng năm 2022.

2.3. Quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục mầm non và phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình HS, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận HS, quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý cán bộ (CB) giáo viên (GV), nhân viên (NV) theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học (TBDH) theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Tổ chức bộ máy của nhà trường:

Cơ cấu tổ chức của trường THCS Đông Sơn theo quy định tại Điều 9 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT quy định cơ cấu tổ chức trường trung học, gồm:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng;

Hội đồng Thi đua- Khen thưởng;

Hội đồng Kỷ luật;

Hội đồng Tư vấn;

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
 Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
 Các Tổ chuyên môn: Tổ Khoa học Tự nhiên và Tổ Khoa học Xã hội;
 Tổ Văn phòng;
 Lớp học.

2.5. Các văn bản nhà trường:

Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học; Kế hoạch giáo dục của nhà trường; Quy chế hoạt động Hội đồng trường;

Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng; Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;

Quy chế công khai;

Quy chế làm việc của trường; Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế thực hiện tiền thưởng;

Quy tắc ứng xử của nhà trường; Tiêu chí Thi đua của nhà trường;

Các nghị quyết của Hội đồng trường; Tập thể CB, GV, NV nhà trường; Nghị quyết Hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động;

Báo cáo sơ kết, tổng kết trong năm học của Hội đồng trường và Nhà trường.

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CB QUẢN LÝ VÀ NV

1. Thông tin về đội ngũ CB quản lý, GV và NV

- Cán bộ quản lý:

TT	Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị		Chứng chỉ QLGD	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học
			Đại học	Cao đẳng	TC	SC			
1	Đinh Thị Liên	HT	x		x		x	B1	B
2	Nguyễn Ngọc Thịnh	PHT	x		x		x	B1	B
3	Lê Anh Tường	PHT	x		x		x	B1	B

- Giáo viên:

Số lượng		Đang viên	Trung cấp chính trị	Trình độ				Tỉ lệ GV/lớp
Tổng số	Nữ			Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Tỉ lệ đạt chuẩn	
29	26	27	02	04	25	0	100	1,8

(Trong đó: Có 01 GV kiêm Tổng phụ trách Đội; 04 GV hợp đồng chuyên môn).

- Cơ cấu, chủng loại giáo viên theo chuyên ngành đào tạo:

Toán	Vật lí	Công nghệ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	Ngữ văn	GD CD	Tiếng Anh	Tin học	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật
06	02	0	01	02	02	02	07	01	03	0	01	01	01

- Nhân viên:

Tổng số 05 người. Gồm: Biên chế 01 (Kế toán); Hợp đồng theo Nghị định 111: 03 (Y tế, Thư viện-TB, thủ quỹ); Hợp đồng lao động: 01 (Bảo vệ). Về trình độ chuyên môn: 02 Đại học (Kế toán, thủ quỹ); 02 Trung cấp (Thư viện-TB, Y tế).

2. Số lượng, tỷ lệ GV, CB quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

CB quản lý là 02 đ/c, đạt chuẩn 100%; GV là 29 đ/c, đạt chuẩn 100%.

3. Số lượng, tỷ lệ GV, CB quản lý và NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

CB quản lý 02 đ/c, bồi dưỡng đạt 100%; GV 29 đ/c, bồi dưỡng đạt 100%; NV 04 đ/c (Biên chế và hợp đồng dài hạn) bồi dưỡng đạt 100%.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất (CSVCh) và tài liệu học tập sử dụng chung

1.1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một HS; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Khuôn viên nhà trường có diện tích 7722m², trung bình 11m²/HS, đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định cho nhu cầu vui chơi và học tập của HS. (*Quy định ít nhất 10m²/HS*).

1.2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

a. Nhà trường đã có các hạng mục sau:

- Khối phòng hành chính quản trị gồm 04 phòng: 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng bảo vệ. Có 01 khu vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, đảm bảo quy chuẩn. Có 01 khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

Khối phụ trợ: Gồm 04 phòng (01 phòng Y tế; 01 phòng Tổ chuyên môn, 01 phòng Tổ văn phòng, 01 phòng kho).

- Khối phòng học, phòng bộ môn:

Phòng học: 16 phòng dành cho 16 lớp. Các phòng học được trang trí, trang bị (bảng từ chống lóa, bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi, tủ sách, nội quy, khẩu hiệu, điện sáng, quạt mát, ti vi, máy tính có nối mạng internet, loa vi tính, điều hòa,...) theo quy định. 6 phòng học mới đã hoàn thiện được đưa vào sử dụng, lát lại nền 4 phòng học, giải quyết kịp thời khó khăn về CSVCh cho nhà trường.

Phòng bộ môn: 04 phòng (01 phòng Công nghệ, 01 phòng KHTN, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Tin học). Các phòng bộ môn được trang trí, trang bị cơ bản theo quy định (nội quy, thời khóa biểu, bảng chống lóa, bàn ghế, tivi, máy tính. Mỗi phòng Công nghệ, KHTN đều có kho thiết bị bên cạnh với đủ hóa chất, dụng cụ thí nghiệm, thực hành. Phòng tin học được trang bị 35 máy tính. Các máy tính phòng tin học và phòng chức năng đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 04 phòng (01 phòng Thiết bị, 01 phòng Truyền thông và Đội, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Y tế trường học + Hỗ trợ HS khuyết tật). Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định.

- Khối phụ trợ: 03 phòng (01 phòng nhân viên văn phòng, 01 nhà kho, 01 phòng tổ chuyên môn). Có 2 khu vệ sinh (01: dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên mới được xây dựng năm 2023; 01 dành cho học sinh), phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Có 02 khu để xe học sinh. Các phòng đáp ứng các yêu cầu phục vụ các hoạt động hành chính và quản trị của nhà trường.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Sân trường có diện tích 3600m² (1500m² sân lát gạch đỏ, còn lại đổ bê tông). Khu sân chơi bãi tập được bố trí riêng biệt với diện tích 3180 m² đã được nâng cấp năm 2022 và 2024, có đường chạy đô bê tông, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vui chơi và học tập của học sinh; có 01 nhà đa năng phục vụ các hoạt động TDTT.

- Hạ tầng kỹ thuật: Có hệ thống cấp nước sạch; có hệ thống thoát nước; hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn; có điện thoại, các máy tính, ti vi đều kết nối mạng internet; nhà trường làm hợp đồng thu gom rác thải với công ty Môi trường đô thị. Cổng trường được trải nhựa asphalt.

- Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước: Có hai khu vệ sinh riêng biệt (01 khu cho giáo viên, nhân viên được xây mới năm 2023 và 01 khu vệ sinh cho học sinh đã được tu bổ, sửa chữa chống thấm dột năm 2025) với tổng diện tích của mỗi khu là 30 m², có đủ nước, ánh sáng, đảm bảo hợp vệ sinh. Hệ thống thoát nước khoa học, hợp lý, không làm ô nhiễm môi trường.

- Nhà đa năng diện tích 200 m² phục vụ các hoạt động thể dục thể thao (TDTT) và ngoại khóa.

b. Hạn chế về CSVC:

Khu phụ trợ thiếu: 02 phòng chờ của GV, 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng GV

Diện tích 14/20 phòng học chật hẹp, 54 m²/phòng (Bình quân 42,3 HS/lớp). Diện tích nhà Đa năng không đảm bảo theo quy định

Diện tích và số lượng thiết bị vệ sinh học sinh chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của HS.

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Có 05 máy in, 1 máy scan, 03 máy chiếu, 59 máy tính để bàn (35 máy phòng Tin học; 8 máy tính văn phòng; 16 máy tính phòng học và phòng bộ môn), 03 laptop, 20 ti vi thông minh màn hình lớn; 02 camera đặt bàn, hệ thống camera giám sát trường lớp, 02 bộ tăng âm, loa, tất cả đều kết nối mạng internet. Có 32 điều hòa không khí. Các trang thiết bị văn phòng khá đầy đủ. Các trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng việc dạy học.

Thiết bị dạy học các môn theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018: Nhà trường cơ bản có đủ thiết bị dạy học các môn từ lớp 6 đến lớp 9 theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

a) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

TT	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Toán	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
2	Văn	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
3	KHTN	Chân trời sáng Tạo	Chân trời sáng Tạo	Chân trời sáng Tạo	Chân trời sáng Tạo
4	Lịch sử & Địa lý	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
5	Mỹ Thuật	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức

6	Âm nhạc	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
7	Công nghệ	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
8	GDTC	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
9	Tiếng Anh	Global Success	Global Success	Global Success	Global Success
10	GDCD	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
11	Tin học	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
12	HĐTN HN	Chân trời sáng tạo 1	Chân trời sáng tạo 1	Chân trời sáng tạo 1	Chân trời sáng tạo 1
13	GD địa phương	Sách SGD Ninh Bình			

b) Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT: Gồm các loại sách giáo khoa, sách nghiệp vụ của GV, sách tham khảo, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và băng đĩa.

Hiện tại, nhà trường có:

Năm học	Sách giáo khoa	Sách tham khảo	Sách nghiệp vụ	Sách thiếu nhi	Tổng số
2025-2026	413	2124	873	1726	5136

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

1.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Mức 1: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%

- Mức 2: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%

- Mức 3: 20/20 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%;

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: $2/6 = 33,3\%$

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 4: $4/6 = 66,7\%$

- Mức tự đánh giá của Nhà trường: Mức 3.

- Nhà trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

1.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch Cải tiến chất lượng năm học 2025-2025 để rà soát, bổ sung các điều kiện theo các tiêu chí do Đoàn đánh giá ngoài của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình đề xuất thực hiện. Đến thời điểm tháng 02/2026, nhà trường thiếu phòng bộ môn để giữ vững các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đạt Mức 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình đã công nhận trường THCS Đông Sơn đạt

Kiểm định chất lượng cấp độ III, UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Mức độ 2 theo quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm (Phụ lục đính kèm)

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

* Đối tượng tuyển sinh:

- HS hoàn thành chương trình tiểu học, đúng độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Đối với HS khuyết tật thực hiện theo Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 03/TT/2018-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về Giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. Thông tư liên tịch số 42/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định về chính sách đối với người khuyết tật.

* Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026: Là 188 HS lớp 5 đã hoàn thành chương trình tiểu học có hộ khẩu thường trú tại xã Đông Sơn, trong đó có 02 HS KTHN.

* Phương thức tuyển sinh

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống đăng ký tuyển sinh đầu cấp do Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình triển khai (<http://ninhbinh.tsdc.vn.edu.vn>).

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

Trường hợp có HS trái tuyển huyện ngoài, tỉnh ngoài đăng kí dự tuyển nếu đủ điều kiện để tiếp nhận thì nhà trường báo cáo bằng văn bản về Phòng GD&ĐT TP Tam Điệp và chỉ được tuyển khi có sự đồng ý của Phòng GD&ĐT.

* Thời gian tuyển sinh:

- Trước ngày 06/6/2025: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo trên Đài Truyền thanh xã Đông Sơn; tuyên truyền, chuẩn bị các điều kiện cho công tác tuyển sinh.

- Ngày 09/6/2025 niêm yết công khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 trên bảng tin của nhà trường đến khi kết thúc công việc tuyển sinh.

- Từ ngày 11/6/2025 đến 17h00 phút, ngày 12/6/2025: Nhà trường hướng dẫn phụ huynh HS đăng ký tuyển sinh (trực tuyến), lập danh sách HS dự xét tuyển.

- Ngày 13/6/2025: Tổ chức xét tuyển. Trước 16h00 báo cáo kết quả tuyển sinh đúng tuyển và duyệt với Phòng GDĐT.

- Từ ngày 14-15/6/2025: Thông báo danh sách HS trúng tuyển, thu nhận đối chiếu hồ sơ gốc.

- Ngày 16/6/2025: nộp danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 6 năm học 2025 – 2026 về Phòng GD&ĐT TP Tam Điệp.

* Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo các yêu cầu sau:

Xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ GV, CSVN, thiết bị dạy học của nhà trường.

Khi xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đối với lớp có HS khuyết tật, kế hoạch giáo dục phải thể hiện được nội dung trọng tâm hướng dẫn HS khuyết tật.

Kế hoạch giáo dục yêu cầu đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và quan tâm đến xây dựng chủ đề dạy học, nội dung tích hợp nội môn, liên môn, chương trình giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và phải được tích hợp các nội dung môn học...

Xây dựng kế hoạch giáo dục, GV bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục trong CTGDPT 2018 để lồng ghép giáo dục STEM trong tiết dạy phù hợp điều kiện của nhà trường, đặc điểm tâm lý, sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của HS; đảm bảo nguyên tắc khoa học, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

Thực hiện tích hợp các nội dung môn học: Tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng an ninh vào môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục Công dân, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm. Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

1.2. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục HS:

Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS. Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Công an phường Trung Sơn. Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Trạm y tế phường Trung Sơn.

1.3. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho HS ở nhà trường, gồm:

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học và trải nghiệm thực tế trong và ngoài nhà trường.

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm học: Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân và ngày Quốc phòng toàn dân 22/12; Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3...

Tổ chức các hoạt động của các Câu lạc bộ: Câu lạc bộ Thể dục thể thao, Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Nghệ thuật, Câu lạc bộ phổ biến tuyên truyền pháp luật; Câu lạc bộ Toán- Tin...

Phối hợp với các tổ chức tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS:

- Phối hợp với Công an phường Trung Sơn và các doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông, an toàn trường học, phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm...

- Phối hợp Công an phường Trung Sơn, công an tỉnh Ninh Bình tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường...

- Phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Đông Sơn tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống cho HS.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

2.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số HS theo từng khối; số HS bình quân/lớp theo từng khối; số lượng HS nam/HS nữ, HS là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật; số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS học tại trường.

- Kết quả tuyển sinh: Tổ chức tuyển sinh lớp 6 THCS đúng quy trình, đúng quy định. Kết quả tuyển được: 188 học sinh.

Quy mô lớp học và HS:

Khối	Số lớp	Sĩ số học sinh	Ghi chú
6	4	188	2 HS KT
7	4	173	2 HS KT
8	5	215	2 HS KT
9	3	127	2 HS KT
Tổng		703	

1.4. Thống kê kết quả đánh giá HS theo quy định của Bộ GD&ĐT; thống kê số lượng HS được lên lớp, HS không được lên lớp

a. Chất lượng giáo dục toàn diện, đại trà

- Kết quả rèn luyện:

Năm học	Tổng số XL	Loại Tốt		Khá		TB (Đạt)		Yếu (CĐ)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2024-2025	635	614	96.7	21	3,3	0	0	0	0

- Kết quả học tập:

Năm học	Tổng số	Giỏi/Tốt		Khá		TB (Đạt)		Yếu (CĐ)		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2024-2025	635	171	26,9	280	44,1	179	28.2	05	0,8	0	0

b. Phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu và các cuộc thi

Giải cá nhân: Đạt 78 giải HSG TP, trong đó có 2 giải Nhất (Lịch sử 9, Sinh học 9), 13 giải Nhì, 29 giải Ba, 34 giải KK (tăng 12 giải so với năm học 2023-2024, tăng 32 giải so với năm học 2022-2023); 04 HS đạt giải tỉnh (1 Nhất, 2 Ba, 1 KK).

Trong phong trào bồi dưỡng HSG đã xuất hiện nhiều tấm gương những em HS đã không ngừng nỗ lực, khắc phục khó khăn, bứt phá, vươn lên trong học tập. Tiêu biểu là các em Bùi Dương Khánh Diệp, Ninh Thị Duyên, Trần Vũ Khánh Thy – HS lớp 9C; Ngô Gia Hân HS lớp 6B; Phạm Thị An Phúc, Dương Ngọc Linh lớp 7A; Phạm Thị Hà Vy, Mai Ngọc Dung lớp 8A; đặc biệt em Vũ Như Hân HS lớp 9C giành giải Nhất HSG cấp TP và cấp tỉnh.

Giải đồng đội: Nhà trường có 01 đội tuyển xếp thứ Nhất (Địa lí 9), 4 đội tuyển xếp thứ Nhì (Lịch sử 9, Sinh học 9, Ngữ văn 8, Ngữ văn 7), 2 đội tuyển xếp thứ 4 (Vật lí 9, Tiếng Anh

7), 2 đội tuyển xếp thứ 5 (Tiếng Anh 6, Toán 7) ...

Một số các đội tuyển có nhiều cố gắng và bứt phá trong công tác lựa chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi, nâng số học sinh đạt giải học sinh giỏi tăng hơn so với năm trước cả về số lượng và chất lượng, tiêu biểu là đội tuyển Lịch sử 9, Sinh học 9, Ngữ văn 7, Ngữ văn 8, Toán 7, Anh 7, Địa lí 9.

Tham gia tốt các cuộc thi qua INTERNET như Violympic toán tiếng Việt, Violympic toán tiếng Anh, Violympic KHTN và đầu trường Toán học Vioedu Đạt 18 giải trong đó 05 giải bạc, 05 giải đồng, 8 giải khuyến khích;

Thi vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025: 109/135 HS dự thi đỗ vào các trường THPT Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm, Yên Mô A và THPT chuyên Lương Văn Tụy, trong đó môn Ngữ văn tiếp tục nằm trong top đầu của thành phố (năm học 2023-2024 điểm cao nhất tỉnh, năm học 2024-2025 điểm cao thứ Nhì TP) góp phần đưa thành phố Tam Điệp giữ vững vị trí Nhất tỉnh trong công tác ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025

1. Tình hình tài chính của trường THCS Đông Sơn năm 2025

1.1. Các khoản thu:

- * Công khai Dự toán Ngân sách năm 2025: 9.508.514.000đồng
- * Công khai thu học phí năm 2025: 665.916.000đồng
- * Chi từ nguồn học phí: 665.916.000đồng.
 - 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương: 266.366.400đồng.
 - 60% thu học phí để chi hoạt động thường xuyên: 399.549.600đồng.
- * Chi từ Ngân sách Nhà nước cấp: 9.508.514.000đồng.
 - Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: 6.303.311.200đồng.
 - Chi thường xuyên theo định mức: 879.860.300đồng.
 - Chi không thường xuyên: 1.316.821.900đồng.
- * Công khai Dự toán kinh phí cấp bổ sung Ngân sách cho các đơn vị năm 2025
 - Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên giảng dạy trẻ khuyết tật năm 2025: 301.332.000đồng, trong đó: học kỳ II năm học 2024-2025: 151.054.000 đồng, học kỳ I năm học 2025-2026: 150.278.000 đồng.
 - Kinh phí để hỗ trợ thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2024-2025: 14.452.500 đồng, học kỳ I năm học 2025-2026: 453.360.000 đồng

a) Công khai kinh phí thu hồi tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025: 40.300.000 đồng.

b) Công khai kinh phí giao không tự chủ để chi tiền khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ 361.000.000đồng.

1.2. Các khoản chi phân theo:

Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 6.303.311.200đồng; chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...):

3.132.451.500đồng; chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 15.750.000 đồng; chi khác: 56.981.300 đồng.

Công khai các khoản chi Ngân sách năm 2025:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1.	Chi thanh toán cho CB, GV, NV (Lương và các khoản đóng góp...)	Đồng	6.303.331.200	
2.	Chi hỗ trợ người học (hỗ trợ chi phí học tập, học bổng, hỗ trợ phương tiện đi lại)	Đồng	15.750.000	
3.	Chi mua hàng hóa dịch vụ; mua trang thiết bị giáo dục; mua bàn ghế HS; duy tu sửa chữa CSVN; chi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; công tác phí; chi GV hợp đồng; chi NV Bảo vệ; hỗ trợ GV dạy HS khuyết tật; tiết kiệm để chi thưởng cho CB, GV, NV và HS đạt thành tích cao trong năm; tiết kiệm để chi cho CB, GV, NV các ngày Lễ, Tết, Kỷ niệm; Chi thưởng theo Nghị định 73; ...	Đồng	3.132.451.500	
4.	Chi các khoản chi khác (Chi miễn giảm học phí; tiếp khách; chi trang trí- khánh tiết kỷ niệm các ngày lễ, các hoạt động ngoại khóa...; thăm hỏi CB, GV, NV và người thân...).	Đồng	56.981.300	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: Học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Không thu

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn giảm

học phí đối với người học

- Năm 2025 (Học kì II năm học 2024-2025 và học kì I năm học 2025-2026)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số người	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1.	Đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí	715	481.065.000	
2.	Đối tượng được hưởng chế độ giảm học phí	7	997.500	
3.	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	23	15.750.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Trên đây là Báo cáo thường niên công khai năm học 2025-2026 của trường THCS Đông Sơn./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH phường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Liên

